

Mô đun đếm CPX-E-1CI

Số bộ phận: 4827505

FESTO



WH	0	1	WH
RD	2	3	RD
BU	4	5	BU

Bảng dữ liệu

Đặc tính	Giá trị
Kích thước B x L x H	18,9 mm x 76,6 mm x 124,3 mm
Kích thước lưới	18,9 mm
Kiểu gắn	với ray DIN
trọng lượng sản phẩm	88 g
Vị trí lắp đặt	dọc ngang
Nhiệt độ môi trường xung quanh	-5 °C...50 °C
Lưu ý về nhiệt độ môi trường	-5 - 60 °C để lắp đặt thẳng đứng
Nhiệt độ bảo quản	-20 °C...70 °C
Độ ẩm tương đối	95 % không cô đặc
Mức độ bảo vệ	IP20
Lớp chống ăn mòn KBK	0 - không ứng suất ăn mòn
Khả năng chống rung	Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 1 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6
chống sốc	Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 1 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27
Tuân thủ LABS	VDMA24364 Vùng III
Dấu CE (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo chỉ thị EMC của EU theo chỉ thị RoHS của EU
Dấu UKCA (xem tuyên bố về sự phù hợp)	theo quy định UK cho EMV theo các quy định UK RoHS
Dấu hiệu KC	KC-EMV
Giấy phép	Dấu RCM c UL us - Listed (OL)
Cơ quan cấp chứng chỉ	UL E239998
Ghi chú vật liệu	Tuân thủ RoHS
Vật liệu vỏ	PA
Vật liệu vít	Thép mạ, kẽm

Đặc tính	Giá trị
Chẩn đoán theo đèn LED	Lỗi cung cấp bộ mã hóa Lỗi mỗi mô-đun Lỗi bộ mã hóa Bộ mã hóa hoạt động bình thường Nguồn cung cấp bộ mã hóa hoạt động bình thường Trạng thái trên mỗi kênh
Chẩn đoán bằng bus	Lỗi trong hệ thống đo lường Ngắn mạch/quá tải nguồn cấp cảm biến Lỗi tham số Giám sát đứt dây Giám sát xung bằng không Theo dõi lỗi đường
Đầu vào khối lượng địa chỉ tối đa	12 byte
Khối lượng địa chỉ tối đa Đầu ra	2 byte
Thông số mô-đun	Thời gian hãm đầu vào kỹ thuật số Xung/không xung Thời gian tích hợp đo tốc độ ID bản sửa đổi nội bộ Giá trị tải chốt sự kiện Chốt tín hiệu Đặc tính lấy Giới hạn đếm trên Loại tín hiệu/loại bộ mã hóa Đánh giá tín hiệu Giám sát ngắt dòng Giám sát xung bằng không Theo dõi lỗi đường Giới hạn đếm thấp hơn
Thông số kênh	Mở rộng tín hiệu
Bộ nguồn, chức năng	Nguồn cấp bộ mã hóa
Nguồn điện, kiểu kết nối	Dải đầu kẹp
Cung cấp điện, công nghệ kết nối	Đầu kẹp lò xo
Cung cấp điện áp, số cực / dây	6
Điện áp hoạt động định mức DC Điện tử/cảm biến	24 V
Điện áp dao động cho phép điện tử / cảm biến	± 25 %
Nguồn điện, mặt cắt dây dẫn	0.2 mm²...1.5 mm²
Nguồn cung cấp, lưu ý trên mặt cắt dây dẫn	0,2 - 2,5 mm² đối với ruột dẫn mềm không có ống bọc đầu dây
Mức tiêu thụ dòng điện nội tại ở điện áp vận hành định mức điện tử/cảm biến	thường là 15 mA
Bắt cầu sự cố điện	10 ms
Chống phân cực	Nguồn cấp cho cảm biến 24 V so với nguồn cấp cho cảm biến 0 V
Cổng nối điện đầu vào, chức năng	Đầu vào kỹ thuật số
Cổng nối điện đầu ra, kiểu kết nối	2x cầu đầu dây
Cổng nối điện đầu vào, công nghệ kết nối	Đầu kẹp lò xo
Cổng nối điện đầu vào, số chân cắm/dây	6
Cổng nối điện đầu vào, tiết diện dây dẫn	0.2 mm²...1.5 mm²
Đầu vào kết nối điện, lưu ý trên mặt cắt dây dẫn	,2 - 2,5 mm² đối với ruột dẫn mềm không có ống bọc đầu dây
Cổng nối điện đầu vào 2, chức năng	Đầu vào bộ đếm
Cổng nối điện đầu vào 2, kiểu kết nối	Dải đầu kẹp
Cổng nối điện đầu vào 2, công nghệ kết nối	Đầu kẹp lò xo
Cổng nối điện đầu vào 2, số chân cắm/dây	6
Cổng nối điện đầu vào 2, tiết diện dây dẫn	0.2 mm²...1.5 mm²
Cổng nối điện đầu vào 2, chỉ dẫn về tiết diện dây dẫn	,2 - 2,5 mm² đối với ruột dẫn mềm không có ống bọc đầu dây
Số lượng đầu vào	4
Đường đặc trưng đầu vào	theo IEC 61131-2, loại 3
Mức chuyển đổi	Tín hiệu 0: ≤ 5 V Tín hiệu 1: ≥ 11 V
chuyển đổi đầu vào logic	PNP (chuyển mạch dương) Cảm biến 2 dây theo IEC 61131-2 Cảm biến 3 dây theo IEC 61131-2

Đặc tính	Giá trị
Thời gian gỡ lỗi đầu vào	0,02 ms 0,1 ms 3 ms
Hành vi sau khi quá tải của nguồn cung cấp cảm biến	Quay lại tự động
Tổng dòng tối đa đầu vào mỗi mô-đun	1.8 A
Cách ly điện kênh - kênh	không
Kênh cách ly điện - Bus nội bộ	không
Cầu chì (Ngắt mạch)	cầu chì điện tử bên trong mỗi mô-đun